TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị P, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Vũ Thị P) trình bày: Chị và anh Cao Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 8 năm 2003. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 10 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh Đ thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu lại đánh chị P nên dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2017, do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị P yêu cầu được ly hôn anh Đ. Anh chị có 03 con chung là Cao Thị Thu P, sinh ngày 27 tháng 6 năm 20xx, Cao Văn N, sinh ngày 25 tháng 12 năm 20xx và Cao Văn N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 20xx. Khi ly hôn, chị P nhận trực tiếp nuôi con Cao Thị Thu P; đồng ý để anh Đ trược tiếp nuôi con Cao Văn N và Cao Văn N. Việc cấp dưỡng cho con anh chị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Cao Văn Đ) khai, xác nhận lời khai của chị P về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm sống ly thân về con chung và về tài sản chung là đúng. Vì xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đồng ý ly hôn chị P. Anh chị có 03 con chung như chị P khai. Từ khi sống ly thân đến nay con Cao Văn N và Cao Văn N do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 03 con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con. Anh Đ xin tự thỏa thuận về tài sản chung giữa anh và chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa P thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh Đ là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình và địa P đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2017, do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Anh chị có 03 con chung như trình bày. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con Cao Văn N và Cao Văn N do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; con Cao Thị Thu P đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Trường hợp nếu phải ly hôn, địa P đề nghị Tòa án giải quyết về con chung của anh chị theo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị P) thay đổi quan điểm về con chung Cao Thị Thu P, quá trình giải quyết vụ án chị P nhận trực tiếp nuôi con Thu P. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2022), cháu P đã thành niên, lập gia đình và không phải nuôi dưỡng nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc này; các yêu cầu khác chị vẫn giữ nguyên quan điểm.

Bị đơn (anh Đ) vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và N vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, N vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Cao Văn Đ; giao con Cao Văn N, sinh ngày 25 tháng 12 năm 20xx và Cao Văn N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 20xx cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Con Cao Thị Thu P, sinh ngày 27 tháng 6 năm 20xx, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Về việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung, các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (anh Cao Văn Đ) có nơi cư trú tại thôn A, xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn (anh Đ) đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình, địa P, sự phù hợp đó thể hiện: Chị P, anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 27 tháng 8 năm 2003. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được 10 năm thì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ly hôn theo yêu cầu của chị P. Như vậy có thể thấy, hôn nhân của chị P, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được; yêu cầu ly hôn của chị P phù hợp với ý chí của anh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh Đ.

[5]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Cao Thị Thu P, sinh ngày 27 tháng 6 năm 20xx, Cao Văn N, sinh ngày 25 tháng 12 năm 20xx và Cao Văn N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, các con Cao Văn N và Cao Văn N do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giao con N và Văn N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị P đồng ý

về yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh Đ. Xét thấy, anh Đ có nghề nghiệp, thu nhập và nơi ở ổn định; ngoài việc tự mình, anh còn được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc các con. Như vậy có thể thấy, anh Đ có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; yêu cầu này của anh Đ phù hợp với thực tế, phù hợp với ý chí của chị P. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi con Cao Văn N và Cao Văn N. Việc cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau về việc cấp dưỡng cho con là phù hợp. Con Cao Thị Thu P tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2022) đã được 18 tuổi 01 tháng (đã thành niên), đã lập gia đình và không phải nuôi dưỡng; không ai còn yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị P, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Cao Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con Cao Văn N, sinh ngày 25 tháng 12 năm 20xx và Cao Văn N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 20xx cho anh Cao Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con do các đương sự xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Cao Thị Thu P, sinh ngày 27 tháng 6 năm 20xx đã thành niên, không phải nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo

Biên lai thu số 0006291 ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 2003);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang